

NĂM 1991

TỈNH ỦY CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG VÙNG SẢN XUẤT CHUYÊN CANH NGÔ, CỎI

Từ năm 1975 đến 1990, Tỉnh uỷ Thanh Hoá đã chỉ đạo việc mở rộng diện tích và nâng cao năng suất cây ngô, cây cỏi để tăng nguồn lương thực và hàng hoá xuất khẩu. Nhưng đến thập kỷ 90 của thế kỷ XX mới đề ra chủ trương xây dựng vùng chuyên canh ngô, cỏi.

Về cây ngô: Trước đó diện tích trồng ngô trong tỉnh chủ yếu trên đất màu, đất bãi ven sông và sườn đồi thấp, diện tích khoảng 23.000 ha. Giống ngô chủ yếu là giống địa phương như VMI, Làng Khuyên, TSB2 năng suất thấp (19 tạ/ha).

Đến những năm 1980, Tỉnh uỷ chỉ đạo ngành Nông nghiệp và các huyện chuyển dịch cơ cấu cây trồng và mùa vụ, sản xuất thêm vụ đông trên diện tích hai vụ lúa, do đó diện tích sản xuất ngô (vụ đông) đã tăng lên 44.741ha (năm 2000), đã đưa các giống có năng suất cao như CP 888, CP 999, LVN 10, LVN 20, BTOSi (ngô lai) vào sản xuất đại trà, do đó năng suất ngô đã tăng bình quân 28 tạ/ha. Sở Nông nghiệp Thanh Hoá đầu tư thêm thiết bị kỹ thuật, vốn cho trại giống ngô Cẩm Thuỷ (hệ thống điện, thuỷ lợi, máy sấy, sân phơi...) trại đã sản xuất và cung ứng khoảng 30% ngô giống trong tỉnh. Cây ngô đã được tăng trưởng trên cả ba mặt: Diện tích, năng suất, sản lượng. Các huyện: Cẩm Thuỷ, Yên Định, Thọ Xuân, Triệu Sơn, Hoàng Hoá, Hậu Lộc, Thiệu Hoá... trở thành vùng sản xuất chuyên canh ngô.

	1977	1985	2000
Diện tích	11.738 ha	13.851 ha	44.741 ha
Năng suất	8,6 tạ/ha	12,4 tạ/ha	28,3 tạ/ha
Sản lượng	10.000 tấn	12.291 tấn	126.724 tấn

Về cây cối: Để mở rộng diện tích trồng cối, Tỉnh uỷ đã chỉ đạo các huyện Nga Sơn, Hậu Lộc, Hoàng Hoá, Quảng Xương, Tĩnh Gia huy động nhân dân đắp đê mở rộng đồng cối. Huyện Nga Sơn đã lần biển khai hoang được 1.900 ha sản xuất cối. Đến năm 2000, toàn tỉnh có 3.614 ha trồng cối.

	1977	1985	2000
Diện tích	2.300 ha	2.969 ha	3.614 ha
Năng suất	70 tấn/ha	81 tấn/ha	70 tấn/ha
Sản lượng	16.100 tấn	24.000 tấn	25.313 tấn

Ngày 06-3:

TỈNH ỦY CHỈ ĐẠO CÔNG TÁC GIAO THÔNG NÔNG THÔN

Mở rộng giao thông nông thôn trên tất cả các vùng miền trong tỉnh phục vụ phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội. Ngày 06-3-1991 Tỉnh uỷ chỉ đạo UBND tỉnh ra Chỉ thị 04 mở chiến dịch giao thông nông thôn đầu xuân 1991. Phù hợp với nguyện vọng nhân dân, Chỉ thị 04 của UBND tỉnh đã mở ra phong trào làm đường giao thông nông thôn sôi động, liên tục trên địa bàn toàn tỉnh được Bộ Giao thông vận tải đánh giá cao và tặng thưởng.

Tiếp tục thúc đẩy phong trào phát triển, ngày 20-7-1995 HĐND tỉnh (khóa VIII) đã nghị quyết về xây dựng quỹ giao thông nông thôn những năm 1996 - 2000. UBND tỉnh ra Quyết định số 3322/UBTH về nhiệm vụ phát triển giao thông nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh.

Các huyện, thị, thành phố đã xây dựng được quỹ giao thông nông thôn và sử dụng hiệu quả. Với sự đóng góp của toàn dân, tổng giá trị quỹ giao thông nông thôn đạt 329.431 triệu đồng và gần 20 triệu ngày công, cộng với vốn vay của Ngân hàng thế giới, vốn đầu tư của chương trình mở đường ô tô đến tuyến xã, các dự án: 135, 327, OECF và chương trình định canh định cư với tổng giá trị 109.340 triệu đồng. Nhờ đó trong những năm 1996 - 2000 giao thông nông thôn đã đạt được kết quả sau đây:

- Sửa chữa nâng cấp nền đường:	3.327km
- Mặt đường cấp phối:	2.830km
- Mặt đường đá:	361km
- Mặt đường gạch:	52km
- Mặt đường bê tông xi măng:	142km
- Mặt đường nhựa:	275km
- Tổng cộng đường các loại:	4.610km
- Cầu các loại: 344 cái dài	1.861m
- Tràn: 9 cái dài	139m

Tính đến năm 2000 chỉ còn lại 14 xã vùng sâu chưa có đường ô tô.

Tháng 5:

TỈNH ỦY CHỈ ĐẠO CÁC NGÀNH NỘI CHÍNH MỞ CUỘC VẬN ĐỘNG NGƯỜI PHẠM TỘI RA ĐẦU THỨ

Thực hiện Thông tri số 05 -TT/LN ngày 02-6-1990 của ngành Nội chính Trung ương hướng dẫn thi hành chính sách đối với người phạm tội ra tự thú và hội nghị rút kinh nghiệm của Bộ Nội vụ tháng 6-1990 tại Hà Sơn Bình, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ ngành Nội chính Thanh Hoá đã khẩn trương xúc tiến công tác vận động người phạm tội ra tự thú sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân trong toàn tỉnh.

Do có sự chỉ đạo chặt chẽ và sự phối kết hợp với các ngành, các cấp, sự giúp đỡ của nhân dân nên cuộc vận động người phạm tội ra tự thú đã thu được kết quả tốt.

Chỉ tính từ tháng 5-1989 đến tháng 5-1991, cán bộ và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh đã vận động được 243 người phạm tội ra tự thú.

Điều đáng chú ý là một số người ra tự thú không chỉ là những người gây án bình thường như trộm cắp, lừa đảo, đánh người gây thương tích mà bao gồm cả những người phạm trọng tội cướp của, hiếp dâm... Số này có tới 35 người.

Trong cuộc vận động này, Phòng Cảnh sát hình sự, Phòng Cảnh sát điều tra, Công an 3 thị xã: Thanh Hoá, Bỉm Sơn, Sầm Sơn và các huyện: Quảng Xương, Ngọc Lặc, Cẩm Thủy, Hoàng Hoá, Nông Cống... được tỉnh khen thưởng.

Ngày 15 và ngày 16-7:

TỈNH ỦY CHỈ ĐẠO DIỄN TẬP PHÒNG CHỐNG BẠO LOẠN VÀ GÂY RỐI TẠI THỊ XÃ THANH HÓA

Thực hiện Nghị quyết 02/BCT, Chỉ thị 135/HĐBT và nhiệm vụ quốc phòng năm 1991 của Bộ Tư lệnh Quân khu IV, Tỉnh uỷ chỉ đạo UBND tỉnh chỉ thị cho Bộ Chỉ huy Quân sự kết hợp với Công an tỉnh tổ chức diễn tập điểm về phòng chống gây rối, bạo loạn tại thị xã Thanh Hoá.

Sau thời gian chuẩn bị phương án, ngày 15 và ngày 16/7/1991, cuộc diễn tập diễn ra trên quy mô hai cấp: Cấp thị xã và cấp xã, phường. Ngoài ra còn có 10 huyện tham quan rút kinh nghiệm. Mỗi huyện gồm 3 đồng chí: Chủ tịch, Chỉ huy trưởng quân sự, Trưởng Công an. Đồng chí Mai Xuân Minh - Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch UBND tỉnh, đồng chí Thiếu tướng Võ Chót - Phó Tư lệnh Quân khu cùng các đại diện các cơ quan Quân khu cũng có mặt trong cuộc diễn tập để tham quan, rút kinh nghiệm.

Cuộc diễn tập đã giải quyết được một số vụ việc như truy quét bọn tội phạm, giải phóng lòng lề đường làm trong sạch địa bàn, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Thông qua diễn tập, tỉnh đã tổ chức rút kinh nghiệm để các huyện, thị học tập vận dụng chỉ đạo diễn tập ở địa phương mình.

KẾT QUẢ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XII

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII (vòng 2) đánh giá công tác xây dựng Đảng khoá XII:

Công tác tư tưởng đã tập trung tuyên truyền đổi mới tư duy kinh tế cho cán bộ, đảng viên, nâng cao nhận thức về công cuộc đổi mới, làm cho mọi người hiểu rõ tính chất, đặc điểm của cơ chế thị trường, sản xuất hàng hoá nhiều thành phần, xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, khắc phục tư tưởng sản xuất tự túc, tự cấp, trông chờ, ỷ lại.

Triển khai kịp thời các nghị quyết của Đảng, tổng hợp, phân tích tâm trạng đảng viên, quần chúng và giải thích kịp thời nên đã tạo ra được sự nhất trí trong Đảng bộ và nhân dân, góp phần ổn định chính trị trước sự diễn biến phức tạp của tình hình thế giới.

Dưới sự chỉ đạo của TW Đảng, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân mang màu sắc phong kiến, tiểu tư sản gắn với tổ chức thực hiện dân chủ, lập lại kỷ cương trong Đảng bộ đã được tiến hành mạnh mẽ đạt kết quả tốt, tạo ra bầu không khí tin cậy, thông cảm, sự đoàn kết và trách nhiệm trước Đảng bộ, nhân dân trong tỉnh.

Cuộc vận động “Tăng cường củng cố tổ chức cơ sở Đảng, làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của đội ngũ cán bộ, đảng viên” và công tác kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng đã được chỉ đạo chặt chẽ trong toàn Đảng bộ, đem lại kết quả thiết thực. Đến đầu năm 1991 đa số đảng viên đã được kiểm tra, số đông đảng viên có đạo đức, phẩm chất tốt, tin tưởng vào đường lối của Đảng, quyết tâm thực hiện sự nghiệp đổi mới. Qua phân loại có 47,6% tổng số đảng viên đạt loại tích cực, có

19% được biểu dương, trên 30% kém, 17,4% phải xử lý kỷ luật. Trong đó khai trừ ra khỏi Đảng 7,52%, đưa ra khỏi Đảng bằng các hình thức khác là 15,36%.

Tổ chức cơ sở Đảng đã từng bước được kiện toàn, sắp xếp lại phù hợp với cơ chế mới, xác định rõ hơn vị trí, chức năng, nhiệm vụ của cơ sở. Nhiều cơ sở đã có quy chế làm việc, giữ vững nề nếp sinh hoạt, phân công đảng viên, có những quy định cụ thể quản lý đảng viên, chất lượng sinh hoạt chi bộ được nâng lên. Mỗi năm Đảng bộ tỉnh kết nạp được 1.800 đảng viên mới.

Công tác cán bộ được đổi mới một bước quan trọng, nổi bật nhất là thực hành quy trình dân chủ trong quá trình lựa chọn, đề bạt, nhận xét cán bộ, do đó từng bước đã khắc phục được khuynh hướng lệch lạc, độc đoán, cá nhân trong công tác cán bộ. Trong 5 năm (1986 - 1990) có trên 7.000 cán bộ đã được đào tạo, bồi dưỡng ở các trường Trung ương và tỉnh.

Phong cách làm việc và lễ lối làm việc của các cấp uỷ Đảng đã được đổi mới, dân chủ, công khai trong sinh hoạt Đảng, trong công tác cán bộ, trong việc chuẩn bị nghị quyết, nguyên tắc lãnh đạo tập thể, cá nhân phụ trách được đề cao, phân định rõ trách nhiệm lãnh đạo của Thường vụ và vai trò quản lý, điều hành của chính quyền và các đoàn thể quần chúng, thường xuyên bám sát cơ sở, sát thực tiễn, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo. Tuy vậy trong công tác xây dựng Đảng bộ còn những hạn chế khuyết điểm:

Nhiều chủ trương của Đảng của Nhà nước chưa xuống được cơ sở, công tác tư tưởng chậm đổi mới về phương thức, hiệu quả thấp. Hệ thống thông tin đại chúng chưa quan tâm đúng mức đến các vùng xa xôi, hẻo lánh, miền núi.

Thiếu nhất quán trong cuộc đấu tranh khắc phục tư tưởng cá nhân mang màu sắc phong kiến, tiểu tư sản. Một bộ phận cán bộ, đảng viên có tư tưởng bảo thủ, định kiến, mặc cảm, hữu khuynh, né tránh, cơ hội chủ nghĩa, có một bộ phận đảng viên dao động trước diễn biến phức tạp của tình hình trong nước và trên thế giới, một số ít lợi dụng tình hình

gây rối nội bộ. Sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo của đảng viên còn hạn chế, số đảng viên loại trung bình còn nhiều. Sự đổi mới trong công tác cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, tiêu chuẩn đánh giá cán bộ chưa chuẩn xác; chưa kiên quyết bãi miễn những cán bộ thiếu năng lực. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu mới, nhất là cán bộ ở cơ sở. Công tác phát triển Đảng còn thấp, nhiều tổ chức Đảng tuổi bình quân của đảng viên ngày càng cao. Phương pháp công tác và năng lực lãnh đạo của các tổ chức Đảng chậm được đổi mới, còn nhiều hạn chế; một số cấp uỷ Đảng mất đoàn kết kéo dài chưa được giải quyết làm cho đảng viên, quần chúng bất bình.

Từ ngày 24 đến ngày 27/9:

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH THANH HÓA LẦN THỨ XIII

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XIII được tiến hành 2 vòng. Vòng 1 được tiến hành từ ngày 25 đến 27/4/1991 với 495 đại biểu tham dự. Đại hội thảo luận, đóng góp ý kiến vào các văn kiện dự thảo của Ban Chấp hành TW khoá VI trình Đại hội Đảng lần thứ VII. Bầu Đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng toàn quốc gồm 43 đồng chí, trong đó có 3 đồng chí dự khuyết.

Đại hội vòng 2 được tiến hành từ 24 - 27/9/1991 tại Hội trường 25B của tỉnh với tổng số đại biểu là 495 đồng chí. Đại hội thảo luận báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ XII và phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ XIII, báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XII. Bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Đại hội đã thống nhất đánh giá: Gần 5 năm thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng, tỉnh ta đã đạt được những kết quả tương đối toàn diện. Nhiều lĩnh vực kinh tế có bước phát triển về thực chất. Đời sống nhân dân đỡ khó khăn, có một bộ phận được cải thiện. Bộ mặt xã hội có

những thay đổi tiến bộ. Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân mang màu sắc phong kiến, tiểu tư sản trong Đảng bộ đã được tiến hành mạnh mẽ và đem lại kết quả tốt. Tư tưởng và tổ chức trong Đảng bộ chuyển biến tốt; đoàn kết nội bộ được tăng cường. Tạo ra sự ổn định về chính trị xã hội, tạo đà tiếp tục tiến hành đổi mới sâu sắc và toàn diện hơn. Tuy vậy Đảng bộ vẫn còn hạn chế thiếu sót khuyết điểm trong tổ chức lãnh đạo:

Các mục tiêu kinh tế xã hội đạt thấp, chưa tương xứng với tiềm năng thế mạnh của tỉnh. Những yếu kém trong quản lý xã hội, những khó khăn trong đời sống nhân dân còn lớn. Công tác lãnh đạo của Đảng bộ còn nhiều hạn chế, nửa nhiệm kỳ đầu nội bộ Tỉnh uỷ mất đoàn kết, quản lý Nhà nước còn lúng túng bất cập, tiêu cực mới nảy sinh chậm khắc phục...

Về phương hướng nhiệm vụ, Đại hội xác định: “Phát huy kết quả bước đầu đạt được, khắc phục các mặt yếu kém, tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội VII của Đảng, giữ vững thế ổn định và phát triển về chính trị và kinh tế. Tiếp tục đổi mới cơ cấu kinh tế, hoàn thiện cơ chế quản lý, tập trung sức phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân; đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, tạo đà tiến lên trong giai đoạn tiếp theo”.

Mục tiêu phấn đấu trong những năm 1991 - 1995, Đại hội xác định:

Đẩy mạnh tốc độ phát triển nông nghiệp và hàng tiêu dùng, tăng kim ngạch xuất khẩu, tạo tích lũy từ kinh tế địa phương. Năm 1995 lương thực đạt 95 vạn tấn, giá trị tổng sản lượng công nghiệp tăng hàng năm từ 7 - 8%; kim ngạch xuất khẩu 1995 đạt 35 triệu USD.

Hạ tỷ lệ phát triển dân số còn 1,9% vào năm 1995. Thực hiện phổ cập giáo dục bậc tiểu học và xoá nạn mù chữ cho độ tuổi từ 15 - 35. Xây dựng gia đình văn hoá. Tạo thêm việc làm, ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân, nâng tỷ lệ gia đình có đời sống khá, thu hẹp hộ nghèo và thiếu đói lúc giáp hạt.

Giữ vững trật tự an toàn xã hội, bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh.

Phát huy dân chủ XHCN, tinh giản tổ chức, bộ máy, đổi mới công tác cán bộ, nâng cao lãnh đạo quản lý điều hành và vận động quần chúng của các tổ chức chính quyền và các đoàn thể.

Xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh, kiên quyết giữ vững đoàn kết trong Đảng bộ, trước hết là trong cấp uỷ. Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, củng cố vai trò lãnh đạo của các tổ chức cơ sở Đảng trong tỉnh, làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 51 đồng chí, 13 đồng chí được bầu vào Thường vụ Tỉnh uỷ, đồng chí Lê Văn Tu được bầu làm Bí thư, đồng chí Lê Xuân Sang được bầu làm Phó Bí thư trực Đảng, đồng chí Mai Xuân Minh được bầu làm Phó Bí thư phụ trách công tác chính quyền.

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA XIII

T.T	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	2	3	4
1	Lê Văn Tu	UVTV Đảng, Bí thư Tỉnh uỷ	
2	Lê Xuân Sang	Phó Bí thư thường trực	
3	Mai Xuân Minh	PBT, Chủ tịch UBND tỉnh	
4	Nguyễn Thị Miện	Thường vụ Tỉnh uỷ	
5	Phạm Văn Tích	Thường vụ Tỉnh uỷ	
6	Nguyễn Đình Bưu	Thường vụ Tỉnh uỷ	
7	Lê Bạch Lan	Thường vụ Tỉnh uỷ	
8	Phùng Sỹ Các	Thường vụ Tỉnh uỷ	
9	Hoàng Văn Thịnh	Thường vụ Tỉnh uỷ	
10	Trịnh Trọng Quyền	Thường vụ Tỉnh uỷ	

NHỮNG SỰ KIỆN LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ TỈNH THANH HÓA 1975 - 2000

1	2	3	4
11	Quách Lê Thanh	Thường vụ Tỉnh ủy	
12	Nguyễn Khắc Dương	Thường vụ Tỉnh ủy	
13	Hoàng Ngọc Nhất	Thường vụ Tỉnh ủy	
14	Đỗ Hữu Thích	Bổ sung Thường vụ Tỉnh ủy	
15	Trịnh Xuân Thu	Bổ sung Thường vụ Tỉnh ủy	Tháng 5-1995
16	Nguyễn Đức Kiên	Bổ sung Thường vụ Tỉnh ủy	Tháng 2-1994
17	Hà Thị Liên	Tỉnh ủy viên	
18	Phạm Minh Đoan	Tỉnh ủy viên	
19	Lê Nguyên Xương	Tỉnh ủy viên	
20	Lê Văn Giảng	Tỉnh ủy viên	
21	Nguyễn Văn Thát	Tỉnh ủy viên	
22	Bùi Thị Bốn	Tỉnh ủy viên	
23	Mai Thị Tiệp	Tỉnh ủy viên	
24	Tống Thị Đãi	Tỉnh ủy viên	
25	Lê Trọng Giác	Tỉnh ủy viên	
26	Vũ Xuân Thu	Tỉnh ủy viên	
27	Cao Danh Đăng	Tỉnh ủy viên	
28	Lê Văn Diêu	Tỉnh ủy viên	
29	Phan Trung Kiên	Tỉnh ủy viên	
30	Lê Khắc Minh	Tỉnh ủy viên	
31	Đàm Viết Huệ	Tỉnh ủy viên	
32	Lưu Ngọc Phải	Tỉnh ủy viên	
33	Hoàng Văn Thuận	Tỉnh ủy viên	
34	Trịnh Xuân Bào	Tỉnh ủy viên	

NHỮNG SỰ KIỆN LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ TỈNH THANH HÓA 1975 - 2000

1	2	3	4
35	Trịnh Xuân Mão	Tỉnh uỷ viên	
36	Trương Văn Huy	Tỉnh uỷ viên	
37	Lê Viết Rong	Tỉnh uỷ viên	
38	Lê Văn Nhân	Tỉnh uỷ viên	
39	Lò Văn Quyn	Tỉnh uỷ viên	
40	Đình Xuân Dón	Tỉnh uỷ viên	
41	Hà Thanh Nghét	Tỉnh uỷ viên	
42	Vi Văn Ngơn	Tỉnh uỷ viên	
43	Lôi Xuân Len	Tỉnh uỷ viên	
44	Lê Huy Thiết	Tỉnh uỷ viên	
45	Lê Đình Tốn	Tỉnh uỷ viên	
46	Nguyễn Xuân Ngọc	Tỉnh uỷ viên	
47	Nguyễn Văn Minh	Tỉnh uỷ viên	
48	Nguyễn Văn Tuyên	Tỉnh uỷ viên	
49	Nguyễn Văn Tri	Tỉnh uỷ viên	
50	Lê Đức Ky	Tỉnh uỷ viên	
51	Lê Viết Dược	Tỉnh uỷ viên	
52	Trần Thế Trạch	Tỉnh uỷ viên	
53	Đỗ Đức Nghiện	Bổ sung Tỉnh uỷ viên	Tháng 02-1994
54	Đặng Thị Thanh	Bổ sung Tỉnh uỷ viên	Tháng 02-1994
55	Phan Đình Phùng	Bổ sung Tỉnh uỷ viên	Tháng 02-1994
56	Nguyễn Ngọc San	Bổ sung Tỉnh uỷ viên	Tháng 02-1994
57	Nguyễn Thị Viết Trí	Bổ sung Tỉnh uỷ viên	Tháng 02-1994
58	Nguyễn Huy Tô	Bổ sung Tỉnh uỷ viên	Tháng 02-1994
59	Phạm Bá Dung	Bổ sung Tỉnh uỷ viên	Tháng 02-1994

NGÀNH NÔNG NGHIỆP TIẾN HÀNH ĐỔI MỚI HỆ THỐNG DOANH NGHIỆP THEO CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG

Thời kỳ bao cấp đã thành lập nhiều doanh nghiệp Nhà nước trong ngành Nông nghiệp. Quá trình tồn tại, các doanh nghiệp đã góp phần phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Khi chuyển sang cơ chế mới nhiều doanh nghiệp bộc lộ yếu kém trong quản lý sản xuất kinh doanh, có doanh nghiệp phá sản.

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và Nghị định 388 (năm 1991) của Chính phủ về việc đổi mới doanh nghiệp Nhà nước, ngành Nông nghiệp Thanh Hoá đã tiến hành tổ chức lại các doanh nghiệp. Toàn ngành đã thành lập lại 24 doanh nghiệp, giải thể Công ty Ong, Liên hiệp chăn nuôi. Phân cấp cho huyện thành lập các Trạm Vật tư nông nghiệp, Trại giống gia cầm, Trại lợn giống cấp II, Trạm máy kéo, Trại nuôi cá nước ngọt, Trạm giống cây trồng, Công ty dịch vụ vật tư cây trồng, Công ty con nuôi.

- Sau khi đăng ký thành lập lại doanh nghiệp, nhiều doanh nghiệp làm ăn thua lỗ lại bị giải thể. Đó là Công ty cơ giới nông nghiệp, Công ty Chè - Cà phê, Công ty Gia cầm, Công ty dịch vụ cây trồng Hoàng Hoá, Công ty dịch vụ cây trồng Thọ Xuân, Xí nghiệp cơ khí nông nghiệp Hà Trung, Xí nghiệp gia cầm Hoàng Hoá phải sát nhập với Xí nghiệp giống gia cầm tỉnh, Công ty Tư tằm xuất khẩu.

Đến năm 1998, thực hiện Nghị định số 44-CP/NĐ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần, ngành Nông nghiệp lại tiến hành đổi mới các doanh nghiệp.

- Đến hết năm 2000, đã cổ phần hoá 3 doanh nghiệp và lập thành Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp vốn điều lệ 3.600 triệu đồng. Công ty cổ phần súc sản xuất khẩu vốn 1.800 triệu đồng, Công ty Giao thông thuỷ lợi Lam Kinh vốn 1.000 triệu. Sau khi cổ phần hoá, các đơn vị đã ổn định sản xuất kinh doanh. Đến năm 2003 hầu hết các doanh nghiệp trong ngành đã tiến hành cổ phần hóa.

Tháng 12:

ĐẢNG BỘ CHÍNH QUYỀN TỈNH ĐẦU TƯ CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG TRẠI NUÔI DẠY TRẺ MỒ CÔI

Trại nuôi dạy trẻ mồ côi tiền thân là Trại nuôi dưỡng con thương binh nặng và con liệt sỹ được thành lập vào tháng 12-1991. Hàng năm Trại nuôi dưỡng từ 45 - 55 cháu, có cháu mới lọt lòng mẹ bị bỏ rơi trong bệnh viện. Từ khi thành lập đến nay, Trại đã nuôi dưỡng 210 cháu, trong đó có 8 cháu con người nước ngoài. Mỗi tháng Nhà nước trợ cấp cho mỗi cháu 120 đồng. Quần áo và sinh hoạt của các cháu do Sở Thương binh - Lao động xã hội tỉnh cấp.

Trong điều kiện kinh tế xã hội còn nhiều khó khăn nhưng các cháu đã được Đảng bộ Chính quyền tỉnh, đặc biệt là tập thể cán bộ công nhân viên chức trại trẻ mồ côi thương yêu chăm sóc. Tỉnh đã đầu tư kinh phí xây dựng cho các cháu 3 ngôi nhà cao tầng gồm 26 phòng ăn, ở, sinh hoạt, điện, nước tiện nghi đầy đủ. Các cháu đi học được miễn học phí, đi học xa được mua sắm xe đạp, được thầy cô trong trại nuôi dưỡng trưởng thành. Nhiều cháu đã trở thành cán bộ công nhân viên chức Nhà nước. Nhiều cháu theo học các trường đại học và cao đẳng, nhiều cháu đã xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhiều cháu hiện đang công tác và làm việc ở nước ngoài vẫn thường xuyên gửi thư, ảnh về trại. Trong những lá thư đầy tình cảm ấy, các cháu tỏ lòng biết ơn Đảng và Nhà nước, các thầy cô trong trại đã quan tâm chăm sóc nuôi dưỡng các cháu thành người và ước vọng tất cả trẻ em mồ côi, tàn tật đều được chăm sóc nuôi dưỡng như các cháu.

Tháng 12:

THỊ ỦY THỊ XÃ THANH HÓA TỔ CHỨC LẠI HỆ THỐNG HỢP TÁC XÃ TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP

Vào những năm cuối của thập kỷ 80, các HTX tiểu thủ công nghiệp kiểu cũ bộc lộ nhiều hạn chế và khuyết điểm không còn tác dụng thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển.

Trước tình hình trên, Thị uỷ đã huy động một số cán bộ ở cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể tập trung điều tra nghiên cứu tìm ra nguyên nhân, đề xuất các biện pháp giải quyết. Dựa trên cơ sở đó, UBND thị xã đã ban hành Quy định 306/QĐ-UBTX (ngày 06-12-1991) hướng dẫn các HTX tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, vận tải đổi mới HTX, đổi mới quản lý sản xuất kinh doanh.

Thực hiện Quy định 306 một số HTX đã chuyển thành HTX cổ phần, hoặc chuyển thành tổ sản xuất với quy mô phù hợp đã tạo ra hiệu quả mới trong sản xuất, góp phần giải quyết các vấn đề xã hội.

XÂY DỰNG HỆ THỐNG CẦU CỐNG THEO ĐỊNH HƯỚNG ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH

Thực hiện mục tiêu kế hoạch 5 năm (1986 - 1991), do Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra, cùng với việc nâng cấp bảo dưỡng các tuyến đường, ngành Giao thông vận tải đã tập trung xây dựng hệ thống cầu cống trên các tuyến đường trọng yếu. Đó là: Cầu Hồ, cầu Hang trên quốc lộ 1A, cầu Đồng Chùa, cầu Chuông, cầu Đại Lạn và hàng chục cầu cống trên tuyến đường 217, 15A. Đặc biệt là ngành đã hoàn thành công trình thí điểm: Cán đá dầm kẹp vữa trên đoạn đường dài 600 m tại chân dốc Nán (Ngọc Lặc); ứng dụng thành công lý thuyết kết cấu cầu dàn vòm hai chiều để xây dựng cầu Khe Rông (Như Xuân).

Cầu Khe Rông khổ $4 + (2 \times 1)$, trọng tải H13 - X60, nhịp vượt 45m loại vòm dài hai chiều bán lắp ghép, hai mố cầu kết cầu rỗng, có nhịp vượt trên mố là 4 m, cự ly đặt vòm chính 2,1 m, giữa các dàn vòm chính có nhịp vượt bằng vòm theo hướng ngang.

Cầu Dàn vòm hai chiều bán lắp ghép Khe Rông là đề tài khoa học cấp tỉnh của Xí nghiệp khảo sát thiết kế (nay là Công ty Tư vấn xây dựng Thanh Hoá) và do Công ty Cầu Thanh Hoá thi công.

CÁC NÔNG TRƯỜNG GIAO ĐẤT ỔN ĐỊNH LÂU DÀI CHO CÁN BỘ, CÔNG NHÂN THEO NGHỊ QUYẾT 10 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Năm 1991, tiếp tục thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị TW Đảng Cộng sản Việt Nam, Tỉnh uỷ và UBND tỉnh đã chỉ đạo ngành Nông nghiệp tỉnh thực hiện khoán sản đến người lao động ở các nông trường. Các hình thức khoán: khoán việc, khoán công đoạn, khoán năm. Từ đó, việc quản lý đất ruộng ở nông trường có chuyển biến tốt nhưng sản xuất tốc độ phát triển chậm, đất ruộng vẫn còn tình trạng hoang hoá và không có chủ chăm lo.

Năm 1992, thực hiện Nghị định 01-CP/NĐ của Chính phủ, các nông trường trong tỉnh đã thực hiện khoán và giao đất, ruộng ổn định lâu dài cho người lao động. Kết quả, đến năm 2000 có 15.805ha bằng 99% đất nông, lâm nghiệp ở các nông trường quốc doanh đã được giao khoán ổn định lâu dài cho các hộ lao động. Trong đó, 15.993ha được giao khoán ổn định lâu dài cho 9.210 hộ theo đúng Nghị định 01 của Chính phủ, bình quân 1 hộ được giao 1.74ha, còn 812ha giao khoán ổn định hàng năm cho các hộ, bình quân 1 hộ 0.86ha, 0,41ha cho nhân khẩu.

Năm 2000, các hộ nhận khoán đã tự bỏ vốn 18 tỷ đồng (chiếm 45% vốn sản xuất), hình thành 315 trang trại theo tiêu chí của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và 3.000 trang trại được hình thành trong lòng các nông trường. Có 2.900 hộ và 13.000 nhân khẩu không phải người nông trường được nhận khoán sử dụng đất nông trường. Cách làm đó đã góp phần ổn định kinh tế, xã hội ở nông thôn miền núi và trung du.

Các trang trại ở nông trường đã đóng góp mỗi năm cho ngân sách Nhà nước 5 tỷ đồng và góp phần nâng cao thêm đời sống công nhân và người lao động. Trên 78% hộ có nhà xây vững chắc, nhiều hộ có các phương tiện sinh hoạt như xe máy, ti vi, không còn hộ đói nghèo.

NGÀNH BƯU ĐIỆN ĐỔI MỚI MÁY MÓC THIẾT BỊ THEO PHƯƠNG HƯỚNG ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH

Thực hiện phương hướng Đại hội Đảng bộ tỉnh về việc đổi mới máy móc thiết bị nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, năm 1991, ngành Bưu điện Thanh Hoá đầu tư lắp đặt tổng đài tự động ATZ 65 - 2.000 số. Trong 2.000 số của tổng đài, ngành đã giành cho thị xã Thanh Hoá, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội của toàn tỉnh 1.200 số. Các huyện Hà Trung, Quảng Xương, Tĩnh Gia và thị xã Sầm Sơn mỗi đơn vị 200 số. Đồng thời ngành đã đưa thiết bị Vi Ba Analog từ 1 - 3 kênh vào sử dụng, thay thế truyền dẫn bằng dây trần qua tải ba.

Việc lắp đặt tổng đài tự động ATZ 65 - 2.000 số và thiết bị Vi Ba Analog, ngành Bưu điện Thanh Hoá đã từng bước hiện đại hoá điện thoại nội hạt.

BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN THỰC HIỆN PHƯƠNG PHÁP ĐÔNG - TÂY Y KẾT HỢP THEO PHƯƠNG HƯỚNG CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG

Sau Cách mạng Tháng 8-1945, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nền y học dân tộc cổ truyền không ngừng được thừa kế và phát huy. Nhiều Bệnh viện Đông y lần lượt được thành lập. Do yêu cầu phục vụ đời sống nhân dân, ngày 22-02-1967 UBND tỉnh quyết định chuyển Bệnh xá Đông y thành Bệnh viện Đông y, năm 1980 Bệnh viện Đông y đổi tên thành Bệnh viện Y học dân tộc Thanh Hoá.

Khám chữa bệnh bằng việc kết hợp Đông y và Tây y là phương pháp khoa học bao hàm tất cả các phương diện vĩ mô và vi mô, lý thuyết và thực tiễn, tổ chức và phương tiện khoa học, chữa bệnh và khám bệnh. Để thực hiện phương pháp Đông - Tây y kết hợp, Bệnh viện Y học dân tộc đã đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên môn có kiến thức về y học dân tộc, có trình độ bằng cấp về tây y. Bệnh viện Y học

dân tộc tiến hành mua sắm trang thiết bị kỹ thuật hiện đại phục vụ khám chữa bệnh.

Trong việc khám, chữa các bệnh hiểm nghèo, lãnh đạo bệnh viện đã tập trung đội ngũ lương y và bác sỹ hội chẩn tìm ra phương pháp chữa trị thích hợp bằng sự kết hợp giữa thăm, vấn bắt mạch của lương y với khám nghiệm lâm sàng, xét nghiệm chụp X.quang...

Bằng phương pháp Đông - Tây y kết hợp, Bệnh viện đã cứu chữa hàng trăm ca bệnh hiểm nghèo, uy tín của bệnh viện ngày càng cao, hàng năm có tới hàng vạn người đến khám và chữa bệnh. Điều đó được minh chứng bằng số liệu sau đây:

Năm 1991, bệnh viện có 28.200 lượt người đến khám bệnh thì có 28.200 tiêu bản xét nghiệm, 500 lần chụp điện, 1.228 bệnh nhân điều trị nội trú, 977 bệnh nhân điều trị ngoại trú.

Năm 1997, đã khám bệnh cho 43.020 lượt người, xét nghiệm 37.890 tiêu bản, điều trị nội trú 1.840 bệnh nhân, ngoại trú 1.150 bệnh nhân, chế biến 14 tấn dược liệu.

HUYỆN ỦY NGA SƠN CHỈ ĐẠO CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU KINH TẾ (1991 - 2000)

Huyện Nga Sơn có 3 vùng kinh tế: Vùng đồng chiêm, vùng lúa màu, vùng đồng biển (cói + lúa) có tiềm năng về lao động, đất đai, ngành nghề. Các xã vùng biển có nghề truyền thống sản xuất chiếu cói.

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, Huyện uỷ chỉ đạo toàn huyện tập trung chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đưa nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật, quy trình công nghệ mới vào sản xuất nâng cao năng suất, hiệu quả. Vì vậy cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, tăng trưởng cao. Điều đó được minh chứng:

Cơ cấu kinh tế năm 1991: Nông nghiệp chiếm tỷ trọng 78,8%; tiểu thủ công nghiệp 12%, dịch vụ thương mại 7,8%, nhưng năm 2000

nông, lâm, ngư nghiệp còn lại 51,4%; tiểu thủ công nghiệp đạt 19,2%, dịch vụ thương mại 29,4%.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) 1991 - 1995 đạt 5,5%; thời kỳ 1996 - 2000 tăng lên 7,2.

Sản xuất nông nghiệp thời kỳ 1991 - 1995 đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 3,2%, thời kỳ 1996 - 2000 đạt 5,3%.

Sản xuất tiểu thủ công nghiệp: Thời kỳ 1991 - 1993 đạt 27 tỷ đồng; đến năm 2000 đạt 46,7 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng 1996 - 2000 là 12%.

Dịch vụ thương mại tăng trưởng khá. Thời kỳ 1991 - 1995 tăng bình quân 4,4%, thời kỳ 1996 - 2000 là 8,2%.

Kết cấu hạ tầng được xây dựng với tốc độ nhanh, năm 1991 tổng vốn đầu tư 2.270 triệu đồng, năm 2000 là 23.472 triệu đồng.

HUYỆN ỦY TRIỆU SƠN CHỈ ĐẠO CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG, MÙA VỤ

Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XI (năm 1989) và XII (1991) trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, Huyện ủy Triệu Sơn đã tập trung chỉ đạo chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ.

Năm 1991 huyện đặt trọng tâm vào khâu giống, đã mời các chuyên gia Trung tâm Giống cây trồng Trung ương về chỉ đạo khâu giống ở các xã.

Thực hiện chương trình cấp I hoá giống lúa, mỗi năm huyện đã du nhập 20 tấn lúa thuần chủng. Bộ giống cây trồng được chọn lọc đổi mới phù hợp - nhất là giống mới, ngắn ngày cho năng suất cao. Bộ giống cây công nghiệp như mía, chè... cũng được lựa chọn phù hợp với đất đai, thời tiết và điều kiện thâm canh.

Trên cơ sở đó, Triệu Sơn đã đẩy mạnh thâm canh lúa và hoa màu, mở rộng diện tích vụ Đông, xen canh, gối vụ. Đến năm 1992, diện tích

gieo trồng đạt 26.000ha, tăng 2,4% so với năm 1991, cây vụ đông đạt 4.500ha, chiếm 17,3% diện tích canh tác. Các vùng chuyên canh cây công nghiệp được xây dựng theo chủ trương phân vùng kinh tế. Vùng đồi Tây - Nam Triệu Sơn đã phát triển toàn diện, phá bỏ kiểu sản xuất độc canh, tạo ra cơ cấu cây trồng đa dạng. Đến năm 1993, huyện đã trồng mới 184ha chè, 150ha mía đưa diện tích trồng chè lên 289ha, mía là 217ha. Huyện đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâu dài cho 45.151 hộ với 12.574,21ha, do vậy mô hình vườn rừng, trại rừng hình thành và phát triển.